

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/HNGĐ - ST

Ngày 10/11/2025

“V/v tranh chấp hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thanh Bình và ông Lưu Văn Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đào Xuân Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 113/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị TTH, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn Đồng Cà, xã Đạo Trù, tỉnh Phú Thọ, có mặt.

Bị đơn: Anh LVS, sinh năm 1984; HKTT: Thôn AS, xã TC, tỉnh TC; chỗ ở hiện nay: Thôn ĐC, xã ĐT, tỉnh PT, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị TTH trình bày: Chị và anh LVS kết hôn với nhau vào ngày 19/10/2021 tại Ủy ban nhân dân xã TC, tỉnh TN. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau. Sau khi kết hôn vợ chồng chuyển về sống chung với nhau tại thôn ĐC, xã ĐT, tỉnh PT. Quá trình chung sống sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Đến đầu tháng 4 năm 2024 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, không có tiếng nói chung vì vậy thường xuyên xảy ra cãi vã, ít chia sẻ với nhau. Anh chị đã Nều lần ngồi nói chuyện với nhau để cùng tìm ra cách giải quyết nhưng mâu thuẫn không hề thuyên giảm, tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh LVS.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu LBN, sinh ngày 08/7/2022 và cháu LBQ, sinh ngày 06/10/2024. Hiện nay 02 cháu đang ở cùng với chị H. Ly hôn, quan điểm của chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc 02 con chung vì hai cháu vẫn còn nhỏ và không yêu cầu anh Săng phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị bán cửa hàng thuốc tây y tại nhà nên có thời gian chăm sóc hai cháu và đảm bảo chỗ ở cũng như sinh hoạt cho hai cháu .

Về tài chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh LVS vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình giải quyết vụ án anh trình bày: Anh Săng thừa nhận quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng như chị H khai ở trên là đúng. Anh chị cũng đã cho nhau Nền cơ hội để cùng tìm ra cách giải quyết nhưng mâu thuẫn vẫn ngày càng trầm trọng. Nay chị H có đơn đề nghị ly hôn quan điểm của anh là đồng ý ly hôn vì anh không còn tình cảm với chị H.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu LBN, sinh ngày 08/7/2022 và cháu LBQ, sinh ngày 06/10/2024. Hiện nay 02 cháu đang ở cùng với chị H. Ly hôn quan điểm của anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con là cháu LBN, sinh ngày 08/7/2022 và cháu LBQ, sinh ngày 06/10/2024. Anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại UBND xã ĐT cung cấp: Sau khi kết hôn chị H và anh Săng có sinh sống với nhau tại Thôn ĐC, xã YD nay là thôn ĐC, xã ĐT. Quá trình chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn nhưng nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể ra sao chính quyền địa phương không nắm được. Đến nay chị H có đơn xin ly hôn anh Săng. Quan điểm địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu LBN, sinh ngày 08/7/2022 và cháu LBQ, sinh ngày 06/10/2024. Ly hôn, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị: Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Cho chị TTH được ly hôn anh LVS.

- Về con chung: Giao cho chị TTH được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu LBN, sinh ngày 08/7/2022 và cháu LBQ, sinh ngày 06/10/2024. Vì hai cháu vẫn còn nhỏ nên giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu. Anh LVS không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Án phí: Chị TTH phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị TTH khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi con, đây là vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Bị đơn anh LVS hiện đang cư trú tại thôn ĐC, xã ĐT, tỉnh PT, theo qui định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ.

Bị đơn anh LVS đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và anh Săng xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị TTH và anh LVS kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị H trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, không có tiếng nói chung vì vậy thường xuyên xảy ra cãi vã, ít chia sẻ với nhau nên tình cảm vợ chồng không được hạnh phúc. Đến nay chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Săng thì anh Săng đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống chung giữa chị H và anh Săng không thể tiếp tục được vì anh, chị có mâu thuẫn trầm trọng, điều đó khẳng định anh chị không còn yêu thương, chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Do đó, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị TTH được ly hôn với anh LVS là phù hợp.

Về con chung: Vợ chồng anh Săng, chị H thống nhất có 02 con chung là cháu LBN, sinh ngày 08/7/2022 và cháu LBQ, sinh ngày 06/10/2024. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng xin nuôi con của chị H và anh Săng đều chính đáng nhưng xét thấy cháu N và cháu Q vẫn còn nhỏ, cháu N mới được 40 tháng tuổi và cháu Q mới được 11 tháng tuổi. Hiện nay hai cháu đang ở với chị H nên giao cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N và cháu Q là phù hợp. Anh Săng không phải cấp dưỡng nuôi con chung và anh Săng có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung; Về tài sản riêng; Công sức, đất canh tác và vay nợ: Chị H và anh Săng không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị TTH phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh LVS không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

[1] Về hôn nhân: Cho chị TTH được ly hôn anh LVS.

[2] Về con chung: Giao cho chị TTH được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu LBN, sinh ngày 08/7/2022 và cháu LBQ, sinh ngày 06/10/2024. Anh Săng không phải cấp dưỡng nuôi con chung và anh Săng có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Về quyền thay đổi nuôi con sau ly hôn: Các đương sự có quyền làm đơn đề nghị thay đổi nuôi con sau ly hôn và quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức và đất canh tác: Chị H và anh Săng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Chị TTH phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0001629 ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Thi hành dân sự tỉnh PT. Chị TTH đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] Chị TTH có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh LVS vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Khu vực 9- Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 9 – Phú Thọ;
- UBND xã ĐT; UBND xã TC, tỉnh TN nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

